

ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT VÀ THỂ LỰC CHUYÊN MÔN CỦA NAM SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT SAU HỌC TẬP MÔN ĐÁ CẦU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lê Thị Minh Đạo* và Ngô Trần Thúc Bảo

Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Đồng Tháp

**Tác giả liên hệ: ltmdao@dthu.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/9/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 15/10/2021; Ngày duyệt đăng: 28/11/2021

Tóm tắt

Bài báo lựa chọn xây dựng các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp. Từ đó, đánh giá thực trạng và sự phát triển kỹ thuật và thể lực chuyên môn của nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất sau học tập môn Đá cầu. Xây dựng được tiêu chuẩn theo thang điểm 10 đồng thời phân loại đánh giá kỹ thuật và thể lực của nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Từ khóa: Đá cầu, kỹ thuật, sinh viên, thể lực chuyên môn.

ASSESSING THE TECHNICAL DEVELOPMENT AND PROFESSIONAL FITNESS OF MALE PHYSICAL EDUCATION MAJORS AFTER THEIR SHUTTLECOCK COURSE AT DONG THAP UNIVERSITY

Le Thi Minh Dao* and Ngo Tran Thuc Bao

Department of Physical Education- National Defense and Security, Dong Thap University

**Corresponding author: ltmdao@dthu.edu.vn*

Article history

Received: 13/9/2021; Received in revised form: 15/10/2021 Accepted: 28/11/2021

Abstract

The article chooses to develop technical and professional fitness assessment tests for male students majoring in Physical Education after studying their shuttlecock course at Dong Thap University. By building the standards on a 10-point scale, it enables the classification and evaluation of these aspects among the target students at Dong Thap University.

Keywords: Professional fitness, students, shuttlecock, technique.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.11.3.2022.952>

Trích dẫn: Lê Thị Minh Đạo và Ngô Trần Thúc Bảo. (2022). Đánh giá sự phát triển kỹ thuật và thể lực chuyên môn của nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(3), 53-64.

1. Đặt vấn đề

Đá cầu là một trong những môn bắt buộc trong chương trình giảng dạy cho sinh viên (SV) chuyên ngành Giáo dục thể chất (GDTC) của Trường Đại học Đồng Tháp, nhằm đảm bảo cho SV có được những kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật và thể lực đáp ứng yêu cầu môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Quá trình hình thành và phát triển về kỹ thuật và thể lực của người học không diễn ra theo một quy trình nhất định mà diễn ra theo những giai đoạn khác nhau và thứ bậc khác nhau. Do vậy, trong thực tiễn giảng dạy phải có những thông tin đầy đủ kịp thời về những biến đổi diễn ra trong quá trình tập luyện, học tập của người học.

Việc đánh giá, xây dựng thang điểm phân loại về sự phát triển kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho SV học tập môn Đá cầu tại khoa GDTC của Trường Đại học Đồng Tháp là một trong những định hướng chủ chốt để đánh giá trình độ tập luyện của SV, nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo chuyên ngành GDTC của nhà trường.

Nhằm đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực môn Đá cầu của SV chuyên ngành GDTC của trường Đại học Đồng Tháp ban đầu ở mức độ nào, đồng thời qua quá trình học tập môn Đá cầu thì kỹ thuật và thể lực chuyên môn phát triển ở mức độ ra sao, việc xây dựng thang đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho SV sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp là vấn đề quan tâm cấp thiết và hiện tại chưa có công trình nghiên cứu.

Vì vậy trước nhu cầu cấp thiết đó chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Đánh giá sự phát triển kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp”.

Trong quá trình nghiên cứu nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu có liên quan; phương pháp quan sát sự phạm; phương pháp phỏng vấn; phương pháp kiểm tra sự phạm; phương pháp toán học thống kê.

Công tác nghiên cứu được tiến hành trong 1 năm từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021. Khách thể là 15 nam SV Đại học chuyên ngành GDTC khóa ĐHGDTTC18 của Trường Đại học Đồng Tháp. Thời điểm kiểm tra thu thập số liệu ban đầu chưa học tập

vào tháng 9 năm 2020 và kết quả sau học tập học phần môn Đá cầu GY4159 (60 tiết được tiến hành trong 15 tuần) vào tháng 02 năm 2021.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Lựa chọn xây dựng các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

2.1.1. Xác định các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn

Để xác định được các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập xong môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp, nghiên cứu tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Tổng hợp 17 test từ tài liệu và những công trình nghiên cứu có liên quan.

Bước 2: Phỏng vấn các chuyên gia, giảng viên giảng dạy môn Đá cầu.

Bước 3: Kiểm nghiệm độ tin cậy và tính thông báo của các test.

a. Tổng hợp các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn Đá cầu từ những công trình nghiên cứu có liên quan

Qua quá trình tìm hiểu, thu thập tổng hợp, phân tích tài liệu của các tác giả trong nước như:

Đặng Ngọc Quang (2009) trong luận án “Nghiên cứu kỹ thuật cơ bản búng cầu, giạt cầu và phương pháp giảng dạy - huấn luyện ban đầu với vận động viên đá cầu trẻ” đã sử dụng các test kiểm tra đánh giá về kỹ thuật búng và giạt cầu như sau: Búng cầu 50 quả (quả tốt); Giạt cầu 50 quả (quả tốt).

Đặng Thị Hồng Nhung (2010) với công trình “Nghiên cứu bài tập bổ trợ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy - huấn luyện kỹ thuật cơ bản môn đá cầu cho vận động viên trẻ” đã sử dụng các test kiểm kỹ thuật cơ bản: Phát cầu vào ô 1m² 50 quả (quả); Tang cầu qua lại 2 chân (quả); Tấn công bằng mu bàn chân trên lưới vào ô 1m² 50 quả (quả); Cúp cầu 50 quả (quả); Quét cầu 50 quả (quả).

Nguyễn Văn Vững (2011) với luận văn thạc sĩ: “Xây dựng nội dung, tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên môn Đá cầu nam lứa tuổi tiểu học Trường Năng khiếu thể dục thể thao Đồng Tháp” đã xây dựng được một số tiêu chuẩn dùng để tuyển chọn vận động viên đá cầu nam lứa tuổi tiểu học Trường

Năng khiếu thể dục thể thao Đồng Tháp, như sau: Hình thái: Chiều cao, cân nặng; Thể lực: Bật cao tại chỗ, Chạy con thoi 4x6,10m, Đeo ngồi gập thân, Chạy 5 phút tùy sức; Kỹ thuật: Phát cầu vào ô 1m², Tầng cầu bằng 2 chân.

Nguyễn Thế Lương (2011) với “Nghiên cứu đánh giá trình độ phát triển thể lực và kỹ thuật chuyên môn cho vận động viên năng khiếu đá cầu lứa tuổi 12 - 13 quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh sau 06 tháng tập luyện”, đã sử dụng các test kiểm tra sau: Chạy con thoi 4x6,10m (s); Bật cao tại chỗ (cm); Chạy tùy sức 5 phút (m); Chạy 30m xuất phát cao (s); Phát cầu vào ô 1m² 50 quả (quả); Cúp cầu 50 quả (quả); Quét cầu 50 quả (quả); Chuyển cầu vào ô 1m² quả (quả); Tấn công bằng mu bàn chân trên lưới vào ô 1m² 50 quả (quả).

Ngoài ra, còn có các công trình nghiên cứu khác như Hoàng Thị Thái Bình (2012), “Lựa chọn bài tập nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật vít cầu cho nữ vận động viên đội tuyển đá cầu Hà Nội lứa tuổi 15-17” và Trần Thị Thảo Trang (2015) với “Đánh giá sự phát triển thể lực và kỹ thuật cơ bản của nam vận động viên đội tuyển đá cầu Trường Đại học An Giang sau một năm tập luyện”. Chúng tôi đã tổng hợp các test

được nhiều tác giả sử dụng đánh giá về kỹ thuật và thể lực môn Đá cầu như sau:

Test về kỹ thuật: Phát cầu vào ô 1m² 50 quả (quả); Cúp cầu 50 quả (quả); Quét cầu 50 quả (quả); Chuyển cầu vào ô 1m² 50 quả (quả); Tấn công bằng mu bàn chân trên lưới vào ô 1m² 50 quả (quả); Tạt cầu 50 quả (quả); Tầng cầu qua lại 2 chân (quả); Đẩy cầu tốt qua lưới 50 quả (quả); Kéo cầu tốt vào ô qui định 1m² 50 quả (quả).

Test về thể lực: Chạy con thoi 4x 6,10m (s); Bật cao tại chỗ (cm); Chạy tùy sức 5 phút (m); Bật bực cao 50 cm 30 giây (lần); Nhảy dây 1 phút (lần); Chạy 30m xuất phát cao (s); Bật cóc tại chỗ 1 phút (lần); Đứng lên ngồi xuống tại chỗ bằng 1 chân 30 giây (lần).

b. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

Xây dựng phiếu và phỏng vấn 15 chuyên gia là các giảng viên và giáo viên giảng dạy môn Đá cầu có nhiều kinh nghiệm. Thời gian cách nhau giữa hai lần phỏng vấn là một tháng, nội dung và cách thức đều như nhau. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn

| TT | TEST | LẦN 1 n = 15 | | LẦN 2 n = 15 | | χ ² | P |
|----|--|--------------|---------|--------------|---------|----------------|--------|
| | | Σ điểm | Tỷ lệ % | Σ điểm | Tỷ lệ % | | |
| 1 | Phát cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | 25 | 83,33 | 27 | 90,00 | 0,65 | > 0,05 |
| 2 | Cúp cầu 50 quả (quả) | 26 | 86,67 | 27 | 90,00 | 0,18 | > 0,05 |
| 3 | Quét cầu 50 quả (quả) | 27 | 90,00 | 28 | 93,33 | 0,25 | > 0,05 |
| 4 | Chuyển cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | 28 | 93,33 | 26 | 86,67 | 0,84 | > 0,05 |
| 5 | Tấn công bằng mu bàn chân trên lưới vào ô 1m ² 50 quả (quả) | 13 | 43,33 | 17 | 56,67 | 1,21 | > 0,05 |
| 6 | Tạt cầu 50 quả (quả) | 15 | 50,00 | 17 | 56,67 | 0,30 | > 0,05 |
| 7 | Tầng cầu qua lại 2 chân (quả) | 16 | 53,33 | 19 | 63,33 | 0,70 | > 0,05 |
| 8 | Đẩy cầu tốt qua lưới 50 quả (quả) | 15 | 50,00 | 18 | 60,00 | 0,69 | > 0,05 |
| 9 | Kéo cầu tốt vào ô qui định 1m ² 50 quả (quả) | 24 | 80,00 | 26 | 86,67 | 0,54 | > 0,05 |
| 10 | Chạy con thoi 4x 6,10m (s) | 23 | 76,67 | 27 | 90,00 | 2,18 | > 0,05 |
| 11 | Bật cao tại chỗ (cm) | 25 | 83,33 | 26 | 86,67 | 0,15 | > 0,05 |
| 12 | Chạy tùy sức 5 phút (m) | 23 | 76,67 | 27 | 90,00 | 2,18 | > 0,05 |
| 13 | Bật bực cao 50cm 30 giây (lần) | 11 | 36,67 | 13 | 43,33 | 0,31 | > 0,05 |
| 14 | Nhảy dây 1 phút (lần) | 14 | 46,67 | 16 | 53,33 | 0,30 | > 0,05 |
| 15 | Chạy 30m xuất phát cao (s) | 17 | 56,67 | 19 | 63,33 | 0,31 | > 0,05 |
| 16 | Bật cóc tại chỗ 1 phút (lần) | 15 | 50,00 | 16 | 53,33 | 0,08 | > 0,05 |
| 17 | Đứng lên ngồi xuống tại chỗ bằng 1 chân 30 giây (lần) | 11 | 36,67 | 13 | 43,33 | 0,31 | > 0,05 |

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy: Qua 2 lần phỏng vấn tất cả 17 test đều có $\chi^2_{\text{tính}} < \chi^2_{\text{bảng}} = 3,84$, nên sự khác biệt giữa hai lần phỏng vấn không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P > 0,05$. Như vậy kết quả giữa 2 lần phỏng vấn các chuyên gia có sự đồng nhất cao về ý kiến trả lời. Thông qua phỏng vấn chúng tôi chọn những test được chọn sử dụng từ 75% trở lên trong số người được phỏng vấn đó là các test:

- **Test về kỹ thuật:** Phát cầu vào ô 1m² 50 quả (quả); Chuyển cầu vào ô 1m² 50 quả (quả); Cúp cầu 50 quả (quả); Quét cầu 50 quả (quả).

- **Test về thể lực:** Bật cao tại chỗ (cm); chạy con thoi 4x6,10m (s); Chạy tùy sức 5 phút (m).

c. *Kiểm nghiệm độ tin cậy các test.*

Để kiểm nghiệm được độ tin cậy của các test đã lựa chọn, chúng tôi tiến hành xác định hệ số tương quan giữa 2 lần kiểm tra trên khách thể nghiên cứu bằng phương pháp retest (lặp lại test). Thời gian giữa 2 lần kiểm tra cách nhau 1 tuần, tuần tự lặp test, điều kiện kiểm tra và thời gian nghỉ giữa hai lần và các cách thức tiến hành đều đảm bảo như nhau. Kết quả thu được ở Bảng 2.

Bảng 2. Hệ số tin cậy các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập xong môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

| TEST | LẦN 1 $\bar{x}_1 \pm \delta$ | LẦN 2 $\bar{x}_2 \pm \delta$ | r | P |
|--|---------------------------------|---------------------------------|------|--------|
| Phát cầu vào ô 1 m ² 50 quả (quả) | 22,3 ± 4,22 | 23,24 ± 4,82 | 0,83 | < 0,05 |
| Chuyển cầu vào ô 1 m ² 50 quả (quả) | 19,33 ± 4,09 | 19,46 ± 4,86 | 0,87 | < 0,05 |
| Cúp cầu 50 quả (quả) | 16,73 ± 4,27 | 17,02 ± 4,71 | 0,80 | < 0,05 |
| Quét cầu 50 quả (quả) | 17,06 ± 4,73 | 17,78 ± 4,82 | 0,83 | < 0,05 |
| Bật cao tại chỗ (cm) | 49,66 ± 2,99 | 49,9 ± 2,50 | 0,89 | < 0,05 |
| Chạy con thoi 4x 6,10 m (s) | 6,56 ± 0,64 | 6,49 ± 0,25 | 0,85 | < 0,05 |
| Chạy tùy sức 5 phút (m) | 1545,0 ± 93,0 | 1557,0 ± 89,0 | 0,90 | < 0,05 |

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, tất cả 7 test đều có hệ số tương quan $r > 0,8$ ở ngưỡng $P < 0,05$. Vậy tất cả 7 test trên đều đảm bảo độ tin cậy cần thiết dùng để đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn của nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp.

- *Xác định tính thông báo*

Để kiểm nghiệm tính thông báo của các test đã chọn, nghiên cứu tiến hành xác định hệ số thông báo bằng cách xác định mối tương quan giữa kết quả kiểm tra của các test với thành tích thi đấu xếp hạng của khách thể nghiên cứu. Sử dụng công thức tính hệ số tương quan thứ bậc của Spearman, nếu hệ số tương quan $r \geq 0,6$ thì test đó có thể dùng để dự báo. Kết quả được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả hệ số thông báo các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

| YẾU TỐ | TEST | r | P |
|---------------------------|---|-------|--------|
| KỸ THUẬT | Phát cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | 0,634 | < 0,05 |
| | Chuyển cầu vào ô 1m ² quả (quả) | 0,657 | < 0,05 |
| | Cúp cầu 50 quả (quả) | 0,625 | < 0,05 |
| | Quét cầu 50 quả (quả) | 0,638 | < 0,05 |
| THỂ LỰC CHUYÊN MÔN | Bật cao tại chỗ (cm) | 0,736 | < 0,05 |
| | Chạy con thoi 4x6,10m (s) | 0,750 | < 0,05 |
| | Chạy tùy sức 5 phút (m) | 0,821 | < 0,05 |

Qua Bảng 3 cho thấy 07 test kiểm tra đều có mối tương quan $r > 0,6$ giao động từ 0,625 đến 0,821 và có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P < 0,05$. Từ đó có thể khẳng định rằng 07 test đã lựa chọn trên đủ tính thông báo cho việc kiểm tra kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp.

2.2. Đánh giá thực trạng và sự phát triển kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1. Đánh giá thực trạng kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC trước học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

Để đánh giá được thực trạng kỹ thuật và thể lực chuyên môn của nam SV chuyên ngành GDTC trước khi học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp, nghiên cứu xử lý các kết quả kiểm tra thành tích thu được ở lần đầu của khách thể nghiên cứu với các tham số thống kê đặc trưng như: \bar{X} , S, CV, ϵ . Kết quả phân tích được trình bày tại Bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC trước học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

| Test | Kết quả ban đầu | | | |
|---|-----------------|------|------------------|------------|
| | \bar{X} | S | C _v % | ϵ |
| Phát cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | 22,33 | 4,22 | 9,96 | 0,05 |
| Chuyền cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | 19,33 | 4,09 | 10,82 | 0,05 |
| Cúp cầu 50 quả (quả) | 16,73 | 4,27 | 7,64 | 0,04 |
| Quét cầu 50 quả (quả) | 17,06 | 4,43 | 8,42 | 0,05 |
| Bật cao tại chỗ (cm) | 49,66 | 2,99 | 6,02 | 0,05 |
| Chạy con thoi 4 x 6,10m (s) | 6,56 | 0,64 | 9,74 | 0,05 |
| Chạy tùy sức 5 phút (m) | 1545 | 93,0 | 6,02 | 0,05 |

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy: Hệ số biến thiên của test Chuyền cầu vào ô 1m² 50 quả (quả) có C_v = 10,82% có độ đồng nhất trung bình, còn lại hầu hết đều có C_v < 10% sai số tương đối của giá trị trung bình $\epsilon \leq 0,05$ nên có thể nói mẫu có độ đồng nhất cao hay độ phân tán dao động nhỏ. Như vậy thực trạng kỹ thuật

và thể lực chuyên môn của nam SV chuyên ngành GDTC học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp tương đối đồng đều nhau lúc ban đầu.

2.2.2. Đánh giá sự phát triển kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

Bảng 5. Sự tăng trưởng về kỹ thuật và thể lực chuyên môn của khách thể nghiên cứu sau học tập (n=15)

| Test | Ban đầu | | Sau học tập | | d | W % | t | P |
|---|-----------|------|-------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | \bar{X} | S | \bar{X} | S | | | | |
| Phát cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | 22,33 | 4,22 | 33,73 | 4,01 | 11,04 | 40,38 | 3,456 | <0,05 |
| Chuyền cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | 19,33 | 4,09 | 31,4 | 4,18 | 12,07 | 49,86 | 4,236 | <0,05 |
| Cúp cầu 50 quả (quả) | 16,73 | 4,27 | 32,2 | 5,90 | 15,47 | 64,19 | 2,895 | <0,05 |
| Quét cầu 50 quả (quả) | 17,06 | 4,43 | 26,86 | 5,53 | 9,62 | 46,86 | 3,128 | <0,05 |
| Bật cao tại chỗ (cm) | 49,66 | 2,99 | 53,26 | 4,09 | 3,6 | 5,53 | 4,569 | <0,05 |
| Chạy con thoi 4x6,10m (s) | 6,56 | 0,64 | 5,76 | 0,41 | -0,8 | 8,23 | 6,785 | <0,05 |
| Chạy tùy sức 5 phút (m) | 1545 | 93 | 1600,6 | 70,54 | 66,6 | 3,14 | 3,992 | <0,05 |

Ghi chú: $t_{05} = 2,145$ [Bảng phân bố $t_{student}$ trong kiểm định hai giá trị trung bình mẫu].

Để đánh giá được sự phát triển kỹ thuật và thể lực chuyên môn của nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp, chúng tôi tiến hành kiểm tra thành tích các test cũng như phân tích nhịp tăng trưởng của các test đối với khách thể nghiên cứu là 15 SV khóa ĐHGDTTC18, thời điểm lúc ban đầu chưa học tập vào tháng 9 năm 2020 và kết quả sau học tập học phần môn Đá cầu (60 tiết được tiến hành trong 15 tuần) vào tháng 02 năm 2021 thông qua học phần GY4159 qua đó đánh giá sự biến đổi về kỹ thuật và thể lực. Kết quả phân tích được trình bày ở Bảng 5.

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy, sau học tập môn Đá cầu thi kỹ thuật và thể lực chuyên môn của nam SV chuyên ngành GDTC có sự tăng trưởng rõ rệt thể hiện ở tất cả các test. Cụ thể như sau:

Các test về kỹ thuật:

- Phát cầu vào ô 1m² 50 quả (quả): Sau học tập môn Đá cầu thi kỹ thuật phát cầu thành tích tăng 11 quả và có nhịp tăng trưởng $W = 40,38\%$. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa thống kê, khi $t_{tinh} = 3,456 > t_{bang} = 2,145$ ở ngưỡng $P < 0,05$.

- Chuyển cầu vào ô 1m² 50 quả (quả): Sau học tập môn Đá cầu thi kỹ thuật chuyển cầu có thành tích tăng 12 quả và nhịp tăng trưởng $W = 49,86\%$. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa thống kê, khi $t_{tinh} = 4,236 > t_{bang} = 2,145$ ở ngưỡng $P < 0,05$.

- Cúp cầu 50 quả (quả): Sau học tập môn Đá cầu thi kỹ thuật cúp cầu có thành tích tăng 15 quả và nhịp tăng trưởng $W = 64,19\%$. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa thống kê, khi $t_{tinh} = 2,895 > t_{bang} = 2,145$ ở ngưỡng $P < 0,05$.

- Quét cầu 50 quả (quả): Sau học tập môn đá cầu thi kỹ thuật quét cầu có thành tích tăng 9 quả và nhịp tăng trưởng $W = 46,86\%$. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa thống kê, khi $t_{tinh} = 3,128 > t_{bang} = 2,145$ ở ngưỡng $P < 0,05$.

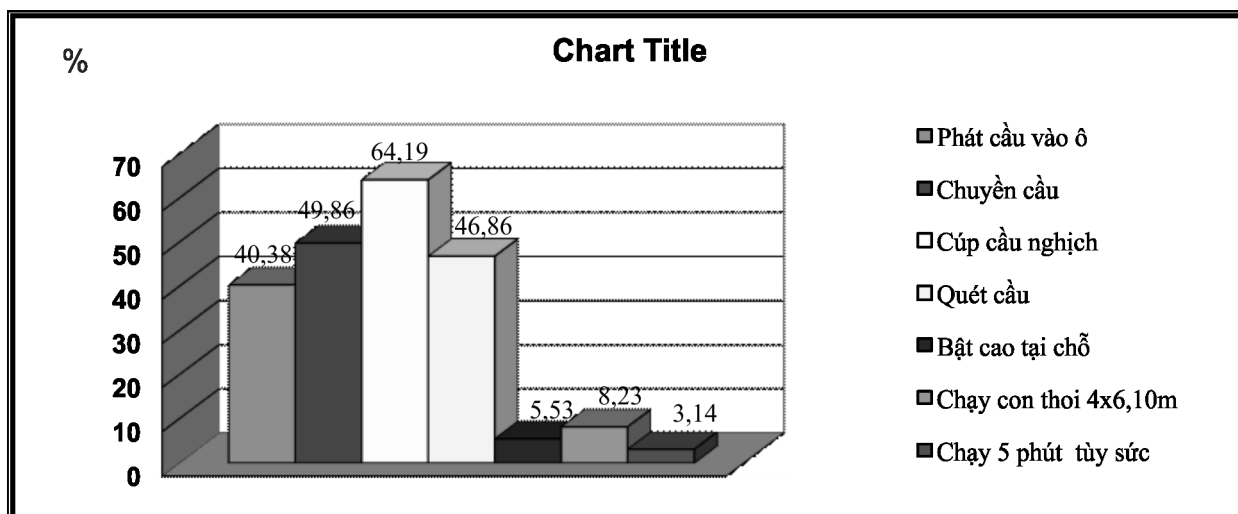
Các test về thể lực:

- Bật cao tại chỗ (cm): Sau học tập môn Đá cầu thành tích tăng 3,6cm và có nhịp tăng trưởng $W = 5,53\%$. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa thống kê, khi $t_{tinh} = 4,569 > t_{bang} = 2,145$ ở ngưỡng $P < 0,05$.

- Chạy con thoi 4x6,10m (s): Sau học tập môn Đá cầu thành tích tăng 0,8 giây và có nhịp tăng trưởng $W = 8,23\%$. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa thống kê, khi $t_{tinh} = 6,785 > t_{bang} = 2,145$ ở ngưỡng $P < 0,05$.

- Chạy tùy sức 5 phút (m): Sau học tập môn Đá cầu thành tích tăng 66,6m và có nhịp tăng trưởng $W = 3,14\%$. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa thống kê, khi $t_{tinh} = 3,992 > t_{bang} = 2,145$ ở ngưỡng $P < 0,05$.

Nhịp tăng trưởng kỹ thuật và thể lực chuyên môn của nam SV chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp sau học tập môn Đá cầu được thể hiện chi tiết ở Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Sự tăng trưởng về kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

2.3. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

2.3.1. Xây dựng thang điểm C

Đề lập thang điểm về kỹ thuật và thể lực ban đầu và sau học tập môn Đá cầu, chúng tôi dựa vào số liệu kiểm tra các test trên khách thể nghiên cứu là 15 SV chuyên ngành GDTC khóa ĐHGDTTC18 của

Trường Đại học Đồng Tháp. Theo thuật toán thống kê thực tế thì giá trị của các test đều là những số thập phân tuy nhiên trong thực tiễn thì những giá trị kiểm tra về kỹ thuật đều là những giá trị nguyên dương do đó để thuận tiện trong việc đánh giá chúng tôi tiến hành làm tròn giá trị theo quy ước > 0,5 thì làm tròn = 1 quả, những giá trị < 0,5 thì làm tròn = 0. Thang điểm đánh giá ban đầu được thể hiện qua Bảng 6 và thang đánh giá sau học tập được thể hiện ở Bảng 7.

Bảng 6. Thang điểm đánh giá về kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC ban đầu trước học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

| ĐIỂM | TEST | | | | | | |
|------|---|---|----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|---------------------|
| | Phát cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | Chuyền cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | Cúp cầu 50 quả (quả) | Quét cầu 50 quả (quả) | Bật cao tại chỗ (cm) | Chạy con thoi 4x6,10m (s) | Chạy 5' tùy sức (m) |
| 1 | ≤ 14 | ≤ 11 | ≤ 8 | ≤ 9 | ≤ 43,66 | ≤ 7,84 | ≤ 1359,00 |
| 1,5 | 15 | 12 | 9 | 10 | 44,41 | 7,68 | 1371,25 |
| 2 | 16 | 13 | 10 | 11 | 45,16 | 7,52 | 1383,50 |
| 2,5 | 17 | 14 | 11 | 12 | 45,91 | 7,36 | 1395,75 |
| 3 | 18 | 15 | 12 | 13 | 46,66 | 7,2 | 1408,00 |
| 3,5 | 19 | 16 | 13 | 14 | 47,41 | 7,04 | 1420,25 |
| 4 | 20 | 17 | 14 | 15 | 48,16 | 6,88 | 1432,50 |
| 4,5 | 21 | 18 | 15 | 16 | 48,91 | 6,72 | 1444,75 |
| 5 | 22 | 19 | 16 | 17 | 49,66 | 6,56 | 1457,00 |
| 5,5 | 23 | 20 | 17 | 18 | 50,41 | 6,4 | 1469,25 |
| 6 | 24 | 21 | 18 | 19 | 51,16 | 6,24 | 1481,50 |
| 6,5 | 15 | 22 | 19 | 20 | 51,91 | 6,08 | 1493,75 |
| 7 | 26 | 23 | 20 | 21 | 52,66 | 5,92 | 1506,00 |
| 7,5 | 17 | 24 | 21 | 22 | 53,41 | 5,76 | 1518,25 |
| 8 | 28 | 25 | 22 | 23 | 54,16 | 5,6 | 1530,50 |
| 8,5 | 29 | 26 | 23 | 24 | 54,91 | 5,44 | 1542,75 |
| 9 | 30 | 27 | 24 | 25 | 55,66 | 5,28 | 1555,00 |
| 9,5 | 31 | 28 | 25 | 26 | 56,41 | 5,12 | 1567,25 |
| 10 | ≥ 32 | ≥ 29 | ≥ 26 | ≥ 27 | ≥ 57,16 | ≥ 4,96 | ≥ 1579,50 |

Bảng 7. Thang điểm đánh giá về kỹ thuật và thể lực chuyên môn sau học tập môn Đá cầu cho nam SV chuyên ngành GDTC tại Trường Đại học Đồng Tháp

| ĐIỂM | CÁC TEST KIỂM TRA | | | | | | |
|------|---|---|----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|---------------------|
| | Phát cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | Chuyên cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | Cúp cầu 50 quả (quả) | Quét cầu 50 quả (quả) | Bật cao tại chỗ (cm) | Chạy con thoi 4x6,10m (s) | Chạy 5' tùy sức (m) |
| 1 | ≤ 25 | ≤ 22 | ≤ 20 | ≤ 15 | ≤ 45,10 | ≥ 6,56 | ≤ 1,459,50 |
| 1,5 | 26 | 23 | 21 | 16 | 46,12 | 6,46 | 1477,13 |
| 2 | 27 | 24 | 22 | 17 | 47,14 | 6,36 | 1494,76 |
| 2,5 | 28 | 25 | 23 | 18 | 48,16 | 6,26 | 1512,39 |
| 3 | 29 | 26 | 24 | 19 | 49,18 | 6,16 | 1530,02 |
| 3,5 | 30 | 27 | 25 | 20 | 50,20 | 6,06 | 1547,65 |
| 4 | 31 | 28 | 26 | 21 | 51,22 | 5,96 | 1565,28 |
| 4,5 | 32 | 29 | 27 | 22 | 52,24 | 5,86 | 1582,91 |
| 5 | 33 | 30 | 28 | 23 | 53,26 | 5,76 | 1600,54 |
| 5,5 | 34 | 31 | 29 | 24 | 54,28 | 5,66 | 1618,17 |
| 6 | 35 | 32 | 30 | 25 | 55,30 | 5,56 | 1635,80 |
| 6,5 | 36 | 33 | 31 | 26 | 56,32 | 5,46 | 1653,43 |
| 7 | 37 | 34 | 32 | 27 | 57,34 | 5,36 | 1671,06 |
| 7,5 | 38 | 35 | 33 | 28 | 58,36 | 5,26 | 1688,69 |
| 8 | 39 | 36 | 34 | 29 | 59,38 | 5,16 | 1706,32 |
| 8,5 | 40 | 37 | 35 | 30 | 60,40 | 5,06 | 1723,95 |
| 9 | 41 | 38 | 36 | 31 | 61,42 | 4,96 | 1741,58 |
| 9,5 | 42 | 39 | 37 | 32 | 62,44 | 4,86 | 1759,21 |
| 10 | ≥ 43 | ≥ 40 | ≥ 38 | ≥ 33 | ≥ 63,46 | ≤ 4,76 | ≥ 1776,84 |

Từ Bảng 6 và Bảng 7 cho thấy, các giá trị đánh giá các test kỹ thuật là những giá trị nguyên dương, các test về thể lực chuyên môn là những giá trị mang số thập phân (theo thang điểm C).

2.3.2. *Xây dựng tiêu chuẩn phân loại các test đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp*

Chúng tôi tiến hành phân loại thành tích theo

tiêu chuẩn so sánh thành 5 loại: Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu, Kém. Khoảng giá trị theo qui ước thể hiện ở Bảng 8 và Bảng 9.

- Xếp loại Giỏi từ 9 đến 10 điểm trở lên
- Xếp loại Khá từ 7 đến cận 9 điểm.
- Xếp loại Trung bình từ 5 đến cận 7 điểm.
- Xếp loại Yếu từ 3 đến cận 5 điểm.
- Xếp loại Kém từ 0 đến cận 3 điểm.

Bảng 8. Bảng tiêu chuẩn phân loại đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn ban đầu cho nam SV chuyên ngành GDTC tại Trường Đại học Đồng Tháp

| XẾP LOẠI | THÀNH TÍCH | | | | | | |
|----------|---|---|----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|---------------------|
| | Phát cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | Chuyền cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | Cúp cầu 50 quả (quả) | Quét cầu 50 quả (quả) | Bật cao tại chỗ (cm) | Chạy con thoi 4x6,10m (s) | Chạy 5' tùy sức (m) |
| Kém | < 18 | < 15 | < 12 | < 13 | < 46,66 | >7,20 | < 1452 |
| Yếu | 18 -> cận 22 | 15 -> cận 19 | 12 -> cận 16 | 13 -> cận 17 | 46,66 -> cận 49,66 | 7,20 -> cận 6,56 | 1452 -> cận 1545 |
| TB | 22-> cận 26 | 19 -> cận 23 | 16 -> cận 20 | 17 -> cận 21 | 49,66 -> cận 52,66 | 6,56 -> cận 5,92 | 1545 -> cận 1638 |
| Khá | 26 -> cận 30 | 23 -> cận 27 | 20 -> cận 24 | 21 -> cận 25 | 52,66 -> cận 55,66 | 5,92 -> cận 5,28 | 1638 -> cận 1731 |
| Giỏi | ≥ 30 | ≥ 27 | ≥ 24 | ≥ 25 | ≥ 55,66 | ≥ 5,28 | ≥ 1731 |

Bảng 9. Bảng tiêu chuẩn phân loại đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn sau học tập môn Đá cầu cho nam SV chuyên ngành GDTC tại Trường Đại học Đồng Tháp

| XẾP LOẠI | THÀNH TÍCH | | | | | | |
|----------|---|---|----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
| | Phát cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | Chuyền cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | Cúp cầu 50 quả (quả) | Quét cầu 50 quả (quả) | Bật cao tại chỗ (cm) | Chạy con thoi 4x6,10m (s) | Chạy 5' tùy sức (m) |
| Kém | < 29 | < 27 | < 26 | < 21 | < 49,18 | > 6,16 | < 1530,06 |
| Yếu | 29-> cận 33 | 27 -> cận 31 | 26 -> cận 32 | 21 -> cận 27 | 49,18 -> cận 53,26 | 6,16 -> cận 5,76 | 1530,06-> cận 1600,6 |
| TB | 33 -> cận 37 | 31-> cận 35 | 32 -> cận 38 | 27 -> cận 33 | 53,26 -> cận 57,34 | 5,76 -> cận 5,36 | 1600,6-> cận 1671,1 |
| Khá | 37 -> cận 41 | 35 -> cận 39 | 38 -> cận 44 | 33 -> cận 39 | 57,34 -> cận 61,42 | 5,36 -> cận 4,96 | 1671,1 -> cận 1741,6 |
| Giỏi | ≥ 41 | ≥ 39 | ≥ 44 | ≥ 39 | ≥ 61,42 | ≤ 4,96 | ≥ 1741,6 |

2.3.3. Đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Để tiến hành đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho SV chúng tôi tiến hành đánh giá theo cách tính tổng điểm chung A, bảng điểm phân loại (Bảng 10) và đánh giá theo từng SV như sau:

Tổng điểm : $A = A1 + A2 + A3 + A4 + A5 + A6 + A7$.

A1 : Điểm test Phát cầu vào ô 1m² 50 quả (quả).

A2 : Điểm test chuyền cầu vào ô 1 m² 50 quả (quả).

A3 : Điểm test cúp cầu 50 quả (quả).

A4 : Điểm test quét cầu 50 quả (quả).

A5 : Điểm test Bật cao tại chỗ (cm).

A6 : Điểm test chạy con thoi 4x6x10 m (s).

A7 : Điểm test chạy tùy sức 5 phút (m).

Bảng 10. Bảng điểm tổng hợp phân loại

| STT | Phân loại | Điểm tổng hợp |
|-----|---------------------|-----------------------|
| 1 | Xếp loại Giỏi | Từ 63 điểm trở lên |
| 2 | Xếp loại Khá | Từ 49 đến cận 63 điểm |
| 3 | Xếp loại Trung bình | Từ 35 đến cận 49 điểm |
| 4 | Xếp loại Yếu | Từ 21 đến cận 35 điểm |
| 5 | Xếp loại Kém | Từ dưới 21 điểm |

Đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho SV chuyên ngành GDTC học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp thể hiện qua Bảng 11 và Bảng 12 như sau:

Bảng 11. Đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV khóa ĐHGĐTC 2018 ban đầu trước học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

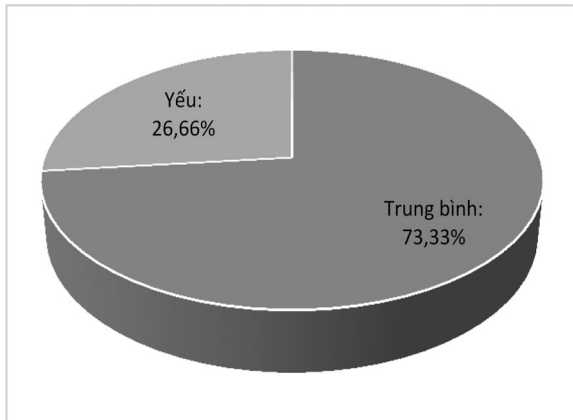
| TEST | Phát cầu vào ô 1 m ² 50 quả (quả) | | Chuyền cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | | Cúp cầu 50 quả (quả) | | Quét cầu 50 quả (quả) | | Bật cao tại chỗ (cm) | | Chạy con thoi 4x6,10m (s) | | Chạy 5' tùy sức (m) | | Tổng điểm | Xếp loại | |
|------|--|------------|---|------------|----------------------|------------|-----------------------|------------|----------------------|------------|---------------------------|------------|---------------------|------------|-----------|----------|------|
| | HỌ VÀ TÊN | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | | | Điểm |
| SV1 | | 24 | 6,0 | 19 | 5,0 | 20 | 7,0 | 17 | 5 | 50 | 5,2 | 6,55 | 5,0 | 1523 | 4,5 | 37,8 | Yếu |
| SV2 | | 22 | 5,0 | 19 | 5,0 | 19 | 6,5 | 18 | 5,5 | 53 | 7,2 | 5,9 | 7,1 | 1521 | 4,5 | 40,8 | TB |
| SV3 | | 25 | 6,5 | 20 | 5,5 | 18 | 6,0 | 17 | 5,0 | 52 | 6,6 | 6,32 | 5,8 | 1556 | 5,2 | 40,5 | TB |
| SV4 | | 22 | 5,0 | 24 | 7,5 | 17 | 5,5 | 18 | 5,5 | 45 | 1,9 | 6,55 | 5,0 | 1534 | 4,8 | 35,2 | TB |
| SV5 | | 21 | 4,5 | 18 | 4,5 | 23 | 8,5 | 18 | 5,5 | 49 | 4,6 | 6,26 | 5,9 | 1567 | 5,5 | 39,0 | TB |
| SV6 | | 20 | 4,0 | 19 | 5,0 | 14 | 4,0 | 19 | 6,0 | 52 | 6,6 | 5,59 | 8,0 | 1433 | 2,6 | 36,2 | TB |
| SV7 | | 25 | 6,5 | 20 | 5,5 | 15 | 4,5 | 22 | 7,5 | 50 | 5,2 | 7,11 | 3,3 | 1478 | 3,6 | 36,1 | TB |
| SV8 | | 20 | 4,0 | 23 | 7,0 | 16 | 5,0 | 16 | 4,5 | 47 | 3,2 | 7,23 | 2,9 | 1567 | 5,5 | 32,1 | Yếu |
| SV9 | | 24 | 6,0 | 18 | 4,5 | 16 | 5,0 | 17 | 5,0 | 49 | 4,6 | 6,78 | 4,3 | 1545 | 5,0 | 34,4 | Yếu |
| SV10 | | 26 | 7,0 | 28 | 9,5 | 17 | 5,5 | 17 | 5,0 | 51 | 5,9 | 6,89 | 4,0 | 1590 | 6,0 | 42,8 | TB |
| SV11 | | 26 | 7,0 | 20 | 5,5 | 18 | 6,0 | 18 | 5,5 | 53 | 7,2 | 7,03 | 3,5 | 1593 | 6,0 | 40,8 | TB |
| SV12 | | 24 | 6,0 | 23 | 7,0 | 17 | 5,5 | 18 | 5,5 | 50 | 5,2 | 7,34 | 2,6 | 1534 | 4,8 | 36,6 | TB |
| SV13 | | 22 | 5,0 | 18 | 4,5 | 17 | 5,5 | 16 | 4,5 | 48 | 3,9 | 7,45 | 2,2 | 1670 | 7,7 | 33,3 | Yếu |
| SV14 | | 21 | 4,5 | 19 | 5,0 | 18 | 6,0 | 15 | 4,0 | 47 | 3,2 | 6,24 | 6,0 | 1651 | 7,3 | 36,0 | TB |
| SV15 | | 24 | 6,0 | 19 | 5,0 | 20 | 7,0 | 17 | 5,0 | 50 | 5,2 | 6,55 | 5,0 | 1523 | 4,5 | 37,8 | TB |

Bảng 12. Đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV khóa ĐHGĐTC 2018 sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp

| TEST | Phát cầu vào ô 1 m ² 50 quả (quả) | | Chuyền cầu vào ô 1m ² 50 quả (quả) | | Cúp cầu 50 quả (quả) | | Quét cầu 50 quả (quả) | | Bật cao tại chỗ (cm) | | Chạy con thoi 4x6,10m (s) | | Chạy 5' tùy sức (m) | | Tổng điểm | Xếp loại | |
|------|--|------------|---|------------|----------------------|------------|-----------------------|------------|----------------------|------------|---------------------------|------------|---------------------|------------|-----------|----------|------|
| | HỌ VÀ TÊN | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | Điểm | Thành tích | | | Điểm |
| SV1 | | 43 | 10,0 | 37 | 8,0 | 38 | 8,0 | 36 | 9,5 | 59 | 7,8 | 5,63 | 5,65 | 1634 | 5,9 | 54,9 | Khá |
| SV2 | | 41 | 9,0 | 35 | 7,0 | 37 | 7,5 | 33 | 8,0 | 55 | 5,9 | 5,55 | 6,05 | 1655 | 6,5 | 49,9 | Khá |
| SV3 | | 40 | 8,5 | 32 | 5,5 | 34 | 6,0 | 31 | 7,0 | 53 | 4,9 | 5,78 | 4,90 | 1675 | 7,1 | 43,9 | TB |
| SV4 | | 31 | 4,0 | 32 | 5,5 | 32 | 5,0 | 26 | 4,5 | 48 | 2,4 | 5,55 | 6,05 | 1453 | 0,8 | 28,3 | Yếu |
| SV5 | | 36 | 6,5 | 33 | 6,0 | 33 | 5,5 | 24 | 3,5 | 57 | 6,8 | 5,9 | 4,30 | 1498 | 2,1 | 34,7 | Yếu |
| SV6 | | 34 | 5,5 | 31 | 5,0 | 34 | 6,0 | 27 | 5,0 | 55 | 5,9 | 6,32 | 2,20 | 1670 | 7,0 | 36,5 | TB |
| SV7 | | 40 | 8,5 | 34 | 6,5 | 31 | 4,5 | 26 | 4,5 | 52 | 4,4 | 6,11 | 3,25 | 1565 | 4,0 | 35,6 | TB |
| SV8 | | 31 | 4,0 | 32 | 5,5 | 31 | 4,5 | 26 | 4,5 | 50 | 3,4 | 5,78 | 4,90 | 1690 | 7,5 | 34,3 | Yếu |
| SV9 | | 39 | 8,0 | 31 | 5,0 | 32 | 5,0 | 27 | 5,0 | 54 | 5,4 | 5,59 | 5,85 | 1567 | 4,0 | 38,3 | TB |
| SV10 | | 31 | 4,0 | 29 | 4,0 | 30 | 4,0 | 28 | 5,5 | 62 | 9,3 | 5,24 | 7,60 | 1598 | 4,9 | 39,3 | TB |
| SV11 | | 36 | 6,5 | 33 | 6,0 | 35 | 6,5 | 27 | 5,0 | 55 | 5,9 | 5,23 | 7,65 | 1610 | 5,3 | 42,8 | TB |
| SV12 | | 34 | 5,5 | 25 | 2,0 | 37 | 7,5 | 27 | 5,0 | 58 | 7,3 | 5,12 | 8,20 | 1564 | 4,0 | 39,5 | TB |
| SV13 | | 32 | 4,5 | 30 | 4,5 | 36 | 7,0 | 28 | 5,5 | 57 | 6,8 | 6,22 | 2,70 | 1670 | 7,0 | 38,0 | TB |
| SV14 | | 30 | 3,5 | 31 | 5,0 | 35 | 6,5 | 26 | 4,5 | 52 | 4,4 | 6,24 | 2,60 | 1675 | 7,1 | 33,6 | Yếu |
| SV15 | | 33 | 5,0 | 32 | 5,5 | 32 | 5,0 | 24 | 3,5 | 50 | 3,4 | 5,98 | 3,90 | 1645 | 6,3 | 32,6 | Yếu |

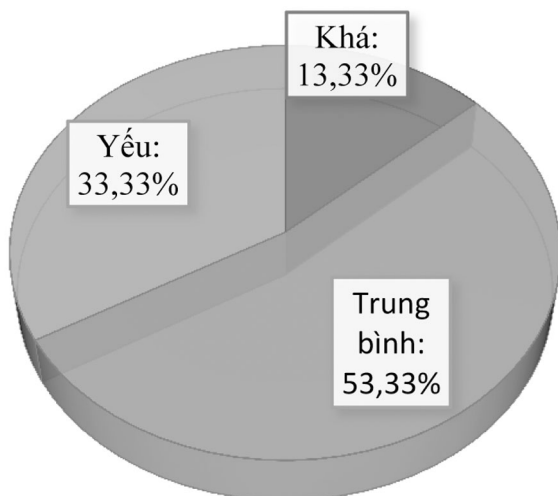
Qua Bảng 11 cho thấy, kết quả xếp loại thể lực của nam SV ĐHGĐTC18 chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn ban đầu và sau học tập môn Đá cầu như sau:

Giai đoạn ban đầu: Có 11 SV đạt loại Trung bình, chiếm tỷ lệ 73,33 %; Có 4 SV đạt loại Yếu, chiếm tỷ lệ 26,66 %. Thể hiện qua Biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ xếp loại cho SV giai đoạn ban đầu

Sau học tập: Có 2 SV đạt loại Khá, chiếm tỷ lệ 13,33%; Có 8 SV đạt loại Trung bình chiếm tỷ lệ 53,33%; Có 5 SV đạt loại Yếu chiếm tỉ lệ 33,33% (Biểu đồ 3).



Biểu đồ 3. Tỷ lệ xếp loại cho SV giai đoạn sau học tập môn Đá cầu

Nhận xét: sau học tập xong môn Đá cầu, tỷ lệ xếp loại của SV có sự biến đổi nhiều, tuy nhiên xếp loại trung bình, yếu vẫn còn.

3. Kết luận

Qua tham khảo tài liệu, tổng hợp, phỏng vấn, kiểm nghiệm độ tin cậy và tính thông báo, nghiên cứu đã xác định được 7 test phù hợp và có giá trị sử dụng cao dùng để đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành GDTC sau học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm: *Test về kỹ thuật*: Phát cầu vào ô 1m² 50 quả (quả); Chuyển cầu vào ô 1m² quả (quả); Cúp cầu 50 quả (quả); Quét cầu 50 quả (quả). *Test về thể lực*: Bật cao tại chỗ (cm); Chạy con thoi 4x 6,10m (s); Chạy tùy sức 5 phút (m).

Các test kiểm tra về kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho nam SV chuyên ngành ĐHGĐTC18 Trường Đại học Đồng Tháp sau học môn Đá cầu, hầu hết các chỉ tiêu đều tăng. Tăng cao nhất là test kiểm tra kỹ thuật Cúp cầu 50 quả (quả) có nhịp tăng trưởng là 64,19%, thấp nhất là test kiểm tra kiểm tra sức bền test Chạy tùy sức 5 phút (m) nhịp tăng trưởng chỉ tăng 3,14%.

Đã xây dựng được thang điểm C, tiêu chuẩn phân loại thành 5 loại: Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu, Kém, để ứng dụng trong kiểm tra đánh giá kỹ thuật và thể lực chuyên môn cho SV chuyên ngành GDTC học tập môn Đá cầu tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Đồng Tháp, mã số SPD2020.01.32./.

Tài liệu tham khảo

- Dương Nghiệp Chí và cs. (2004). *Đo lường thể thao*. Hà Nội: NXB Thể dục Thể thao.
- Dương Nghiệp Chí và cs. (2013). *Thể chất người Việt Nam từ 6 đến 60 tuổi đầu thế kỷ XXI*. Hà Nội: NXB Thể dục Thể thao.
- Hoàng Thị Thái Bình. (2012). *Lựa chọn bài tập nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật vít cầu cho nữ vận động viên đội tuyển đá cầu Hà Nội lứa tuổi 15-17*. Luận văn thạc sĩ, Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Đặng Ngọc Quang. (2003). *Giáo trình Đá cầu*. Hà Nội: NXB Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Đặng Ngọc Quang. (2009). *Nghiên cứu kỹ thuật cơ bản bóng cầu, giạt cầu và phương pháp giảng dạy - huấn luyện ban đầu đối với vận động viên*

- đá cầu trẻ. Luận án Tiến sĩ, Giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục Thể thao, Hà Nội.
- Đỗ Vĩnh, Huỳnh Trọng Khải. (2008). *Giáo trình Thống kê học trong thể dục thể thao*. Hà Nội: NXB. Thể dục Thể thao.
- Đặng Thị Hồng Nhung. (2010). *Nghiên cứu bài tập bổ trợ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy - huấn luyện kỹ thuật cơ bản môn đá cầu cho vận động viên trẻ*. Đề tài Khoa học công nghệ cấp Viện, Viện Thể dục thể thao, Hà Nội.
- Nguyễn Thế Truyền và cs. (2002). *Tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện trong tuyển chọn và huấn luyện thể thao*. Hà Nội: NXB Thể dục Thể thao.
- Nguyễn Văn Vững. (2011). *Xây dựng nội dung, tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên môn Đá cầu nam lứa tuổi tiểu học Trường Năng khiếu thể dục thể thao Đồng Tháp*. Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục thể chất, Học viện Thể dục Thể thao Quảng Châu, Trung Quốc.
- Nguyễn Minh Giang. (2016). *Nghiên cứu sự phát triển thể lực và kỹ thuật của vận động viên đội tuyển đá cầu nam Trường Trung học phổ thông Hoàng Diệu tỉnh Sóc Trăng sau một năm tập luyện*. Luận văn thạc sĩ, Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thế Lưỡng. (2011). *Nghiên cứu đánh giá trình độ phát triển thể lực và kỹ thuật chuyên môn cho vận động viên năng khiếu đá cầu lứa tuổi 12 - 13 quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh sau 06 tháng tập luyện*. Luận văn thạc sĩ, Giáo dục học, Học viện Thể dục Thể thao Thượng Hải, Trung Quốc.
- Trần Thị Thảo Trang. (2015). *Đánh giá sự phát triển thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam vận động viên đội tuyển đá cầu Trường Đại học An Giang sau một năm tập luyện*. Luận văn thạc sĩ, Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.